TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 285/2024/HC-PT
Ngày: 24-7-2024
V/v: "Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**

Các Thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm**

bà **Võ Thị Ngọc Dung**

Thư ký phiên tòa: ông **Nguyễn Duy Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 96/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc *"Kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 04 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1387/+

2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** bà Dương Thị Thu S; địa chỉ: E Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Lê Thanh T; Địa Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- ***Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: ông Lê Đại T1 – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B; Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phạm Văn N - Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật, giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ

đất Đ; Địa chỉ: F C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- ***Người kháng cáo:*** Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Lê Thanh T.

- ***Kháng nghị:*** Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Thanh T trình bày:*

Gia đình bà Dương Thị Thu S sử dụng thửa đất số 39, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.437,10m^2 tại phường T, Tp ., có nguồn gốc: Công ty TNHH MTV C ký kết hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê số 178/HĐKT ngày 10/4/2007 với bà Trịnh Thị Thanh H. Năm 2016, bà H chuyển nhượng cho bà S, việc chuyển nhượng được Công ty C xác nhận tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 07/4/2016 (có nội dung: Công ty chấp nhận việc chuyển nhượng lô cà phê giữa bà Trịnh Thị Thanh H với bà Dương Thị Thu S, công ty giao tài sản cho bà Dương Thị Thu S tiếp tục canh tác và quản lý tài sản trên đất,…)

Từ năm 2016, hộ gia đình bà S sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp, gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập thường xuyên ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên thửa đất.

Hiện nay, Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án hạ tầng kỹ thuật khu đất đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T. Thửa đất bà S bị thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 (điều chỉnh lại tại Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022). Tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường thì áp dụng Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đang có hiệu lực (Gọi tắt là Quyết định số 14). Qua xem xét 02 Quyết định trên thì thấy rằng UBND thành phố B không phê duyệt 03 khoản hỗ trợ gồm: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17; Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 18; Hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14, là không đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ:

Về hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Năm 2016, gia đình bà S nhận chuyển nhượng lại thửa đất của bà H, được công ty cà phê Buôn Ma T2 ký xác nhận, do đó gia đình bà S kế thừa quyền và nghĩa vụ của người nhận khoán trên thửa đất này. Vì vậy, khi thu hồi đất thì gia đình bà S được hưởng toàn bộ chế độ chính sách như người nhận khoán. Căn cứ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; Điều 17 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì gia đình bà S phải được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất.

Về hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Gia đình bà S có 03 nhân khẩu (02 vợ chồng bà S làm cán bộ nghỉ hưu và 01 con trai làm nông nghiệp), gia đình bà S trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất

nông nghiệp trên thửa đất bị thu hồi, được UBND phường T ký xác nhận. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 83 Luật đất đai năm 2013; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ; Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ thì gia đình bà S phải được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với 01 nhân khẩu trực tiếp sản xuất nông nghiệp.

Về hỗ trợ khác: Điều 83 Luật đất đai 2013 quy định 04 hình thức hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất, tại điểm d Điều 83 là hỗ trợ khác và giao Chính phủ quy định chi tiết, theo đó: Tại Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định giao cho UBND tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để đảm bảo có chỗ ở ổn định, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi và tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ đã có quy định cụ thể về các khoản hỗ trợ khác.

Đối chiếu với các quy định trên thì gia đình bà S đủ điều kiện được nhận các khoản hỗ trợ khác. Khoản hỗ trợ khác là một hạng mục riêng biệt, được quy định cụ thể tại một điều khoản, do đó phải được đáp ứng nếu đủ điều kiện theo quy định.

Như vậy, việc UBND thành phố B không phê duyệt ba khoản hỗ trợ trên cho gia đình bà S là xâm hại trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà S. Vì vậy, bà S đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy một phần Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 và Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung đối với 03 khoản: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022.

** Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B – Ông Lê Đại T1 trình bày:*

Hộ bà Dương Thị Thu S đang sử dụng thửa đất số 39, tờ bản đồ số 27, diện tích 6.437,1m^2 có nguồn gốc chuyển nhượng lô cà phê từ bà Trịnh Thị Thanh H (Bà H liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV C tại Hợp đồng số 178/HĐKT ngày 10/4/2007), Công ty C không ký hợp đồng liên kết với bà S (theo nội dung tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 07/4/2016).

Năm 2017, UBND tỉnh Đ thu hồi đất của công ty C (do giải thể) giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất của hộ bà S.

Căn cứ Công văn số 6545/UBND-TH ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh về việc đầu tư dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu đất tại đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập phương án bồi thường, hỗ trợ đã được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 (mục số 10 trang số 21, 22, 23, Bảng tính chi tiết

kèm theo) và được điều chỉnh tại Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 (mục số 9 trang số 34, 35, 36, 37, 38, Bảng tính chi tiết kèm theo) với tổng kinh phí là 802.980.480 đồng, bao gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, nhà, tài sản vật kiến trúc, hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm.

Đối với nội dung bà S khởi kiện liên quan đến Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ: Bà S không có hợp đồng nhận khoán với Công ty TNHH MTV C. Căn cứ khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 bà S không thuộc trường hợp được Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17; Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm tại khoản 2 Điều 18; Hỗ trợ khác tại khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Dương Thị Thu S do Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk lập, được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 và được điều chỉnh tại Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 đã đảm bảo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án xem xét bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 115; Điều 116; Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 206 Luật tố tụng hành chính;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu S về việc: Hủy một phần Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 và Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung đối với 03 khoản: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/3/2024 người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện ông Lê Thanh T kháng cáo với nội dung: đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Ngày 18/3/2024 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị với nội dung: đề nghị sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Dương Thị Thu S – ông Lê Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng vẫn giữ nguyên nội dung của Quyết định kháng nghị.

Ý kiến của ông Lê Thanh T: như trong Đơn khởi kiện và Đơn kháng cáo đã nêu, bà S khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 và Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung đối với 03 khoản: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà S, sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên toà hành chính phúc thẩm được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên toà, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk và kháng cáo của bà Dương Thị Thu S, sửa bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: về sự có mặt của các đương sự: tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người trên theo quy định tại khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo và khởi kiện của bà Dương Thị Thu S và nội dung kháng nghị về việc đề nghị Toà án hủy một phần Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 và Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B, Hội đồng xét xử nhận thấy: Về nguồn gốc đất: Hộ bà Dương Thị Thu S sử dụng Thửa đất số 39, Tờ bản đồ số 6, diện tích 6.437,1m^2, có nguồn gốc là đất của Nhà nước giao cho Công ty TNHH MTV C ký kết Hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê số 178/HĐKT ngày 10/4/2007 với bà Trịnh Thị Thanh H, thời hạn hợp đồng từ ngày 10/4/2007 đến ngày 31/12/2020. Năm 2016, bà H chuyển nhượng lại thửa đất này cho bà S. Việc chuyển nhượng được Công ty C xác nhận tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 07/4/2016. Ngày 04/01/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 5.138.059m^2 đất tại các xã, phường: T, T, T, T, T, T và xã E, thành phố B; trong đó giao diện tích 897.744,7m^2 đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm Đ quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m^2 đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. Theo quyết định này thì hộ bà S bị thu hồi 6.437,1m^2 đất trồng cây lâu năm để thực hiện dự án. Do đó, hộ bà S là đối tượng được xem xét để bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất.

[3] Về yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung đối với 03 khoản: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022. Xét thấy: Gia đình bà S sử dụng đất theo Biên bản thanh lý hợp đồng về việc liên kết sản xuất cà phê ngày 07/4/2016 giữa Công ty TNHH MTV C và bà Trịnh Thị Thanh H. Theo nội dung biên bản tại Mục 2 việc xử lý tài sản trên đất thì Công ty cà phê chấp nhận việc chuyển nhượng lô cà phê giữa bà H và bà S; Trong thời gian chờ quyết định giải thể của Công ty C thì Công ty đồng ý giao tài sản trên thửa đất của bà H cho bà S sử dụng, tiếp tục canh tác và quản lý tài sản trên đất. Công ty không ký kết hợp đồng kinh tế sản xuất cà phê với bà S. Như vậy, gia đình bà S không phải hộ gia đình sử dụng đất do giao nhận khoán.

[4] Theo nội dung Hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê nêu trên thì thời hạn hợp đồng từ ngày 10/4/2007 đến ngày 31/12/2020. Như vậy, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa Công ty cà phê và bà H tính đến thời điểm bà H chuyển nhượng tài sản trên đất cho bà S năm 2016 vẫn chưa hết thời hạn của hợp đồng. Nhưng cùng tại thời điểm năm 2016 bà H đã có Đơn xin thanh lý hợp đồng, giữa Công ty C và bà H đã tiến hành thanh lý hợp đồng theo đúng quy định. Như vậy, hợp đồng liên kết sản xuất cà phê giữa bà H và công ty C đã hết hiệu lực, quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã được thực hiện xong. Hộ gia đình bà S không kế thừa quyền và nghĩa vụ của hộ gia đình sử dụng đất do giao nhận khoán từ bà H nữa. Đồng thời, theo Quyết định số 7356 và Quyết định số 10483 của Ủy ban nhân dân thành phố B thì gia đình bà S đã được xem xét bồi thường, hỗ trợ đối với toàn bộ cây cối, hoa màu trên diện tích đất bị thu hồi; hỗ trợ việc chấp hành bàn giao mặt bằng đúng hạn là đảm bảo quyền, lợi ích của gia đình bà S và đúng quy định của

pháp luật. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà S là có căn cứ. Bà S kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới để làm thay đổi quyết định của Bản án sơ thẩm nên không có cơ sở để xem xét.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Thu S và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có căn cứ chấp nhận; ý kiến của kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Dương Thị Thu S phải chịu án phí hành chính phúc thẩm nhưng do bà S là người cáo tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính.

Áp dụng Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Dương Thị Thu S và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2024/HC-ST ngày 04 tháng 03 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu S về việc: Hủy một phần Quyết định số 7356/QĐ-UBND ngày 19/8/2022 và Quyết định số 10483/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng kỹ thuật khu đất đường 30 tháng 4, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phê duyệt bổ sung đối với 03 khoản: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo Điều 17, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm theo Điều 18, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022; hỗ trợ khác theo khoản 3 Điều 20, Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022.

3. Về án phí: Bà Dương Thị Thu S được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Võ Ngọc Thông